HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2018/NQ-HĐND	*Tuyên Quang, ngày 04 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung và mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

SỞ TƯ PHÁP T.TUYÊN QUANG
Ngày 01-08-2018
CÔNG VĂN ĐẾN Số:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 6

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 16 tháng 7 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện dự án truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 23/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số nội dung và mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định một số nội dung và mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, với các nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định một số nội dung và mức chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phương tiện xem thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo; hỗ trợ phương tiện xem thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo: Mức hỗ trợ tối đa không quá 300.000.000 đồng/dự án, mô hình. Trong đó:

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp cho các hộ gia đình tham gia dự án: Mức hỗ trợ tối đa đối với hộ nghèo: 10.000.000 đồng/hộ/dự án, mô hình; hộ cận nghèo: 8.000.000 đồng/hộ/dự án, mô hình; hộ mới thoát nghèo *(không quá 24 tháng kể từ ngày được công nhận thoát nghèo)*: 6.000.000 đồng/hộ/dự án, mô hình. Mỗi hộ gia đình chỉ được hỗ trợ một lần trong giai đoạn 2018 - 2020, đảm bảo mức hỗ trợ hộ mới thoát nghèo không vượt quá mức hỗ trợ hộ cận nghèo, mức hỗ trợ hộ cận nghèo không vượt quá mức hỗ trợ hộ nghèo.

b) Hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề và dịch vụ (hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm): Mức hỗ trợ căn cứ theo hợp đồng thuê, mua, sửa chữa và các chứng từ chi tiêu hợp pháp, trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 100.000.000 đồng/dự án, mô hình.

c) Chi xây dựng và quản lý dự án: Mức chi không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án, mô hình.

4. Hỗ trợ phương tiện xem

a) Loại phương tiện hỗ trợ: Ti vi.

b) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ bằng hiện vật.

c) Mức hỗ trợ: Giá trị tối đa 5.000.000 đồng/ti vi/01 hộ.

5. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 do ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho tỉnh.

b) Nguồn huy động, đóng góp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khóa XVIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng HĐND tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; (N).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn